| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 117/2020/HS-PT

Ngày: 20 - 5 - 2020.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phượng.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Lê Thị Thanh Huyền.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2020/HSPT, ngày 30/3/2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức V về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức V đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

* *Bị cáo có kháng cáo*:

Họ và tên: Nguyễn Đức V; Tên gọi khác: X; Sinh ngày 21/9/1982; Tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường K, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe ô tô; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Văn N (đã chết); Con bà Văn Thị Đ; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Lệ H (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo đang được tại ngoại, có mặt.

* *Người bị hại:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1970 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh Lê Tuấn V, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn N, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đức V, đã có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo quy định. Khoảng 16h40’ ngày 20/7/2019, V điều khiển xe mô tô hiệu Suzuki, màu xanh, biển số 72H7 – 32XX lưu thông tại phần đường bên phải đường liên xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo hướng từ xã H, huyện B đến xã H, thành phố B với tốc độ khoảng 50km/h đến 60 km/h. Lúc này, trời sáng, mưa nhỏ, mật độ phương tiện trên đường vắng, mặt đường ướt, không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn. Khi đi gần tới khu vực phía trước trụ điện số 222 đường liên xã H, thuộc B, xã H, thành phố B, V thấy phía trước bên trái theo hướng đi của mình, cách khoảng 20m đến 30m có giao nhau với 01 đường ngang (không có tên đường) nên điều khiển xe mô tô chuyển hướng sang bên trái để đi vào đường trên. V quan sát thấy phía trước cách khoảng 40m có 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển số 47S1 - 101.XX do ông Lê Ngọc T điều khiển đang lưu thông theo hướng ngược lại. V bật đèn si nhan bên trái, rồi điều khiển xe mô tô chuyển hướng sang bên trái và quay mặt nhìn ra phía sau để quan sát xem có phương tiện nào đi tới hay không. Khi V quay mặt lại phía trước thì thấy xe mô tô biển số 47S1 - 101.XX đi tới. Lúc này, V đánh tay lái sang bên trái theo hướng đi để tránh nhưng do khoảng cách gần, không kịp tránh nên đã để phía trước, bên phải xe mô tô biển số 72H7 – 32XX tông vào phía trước bên phải xe mô tô biển số 47S1 - 101.XX gây tai nạn giao thông. Hậu quả ông Lê Ngọc T bị thương nặng đến ngày 21/7/2019 thì tử vong; V bị thương nhẹ và hai phương tiện bị hư hỏng.

Về hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn: Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông tại đường liên xã H, thuộc địa bàn B, xã H, thành phố B. Đường liên xã H là đường hai chiều, thẳng, mặt đường được trải nhựa tương đối bằng phẳng, rộng: 12,90m, không có vạch sơn phân chia phần đường xe chạy. Phần bên trái đường tính theo hướng từ xã H, huyện B đến Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B giao nhau với đường liên xã (không có tên đường), đường này được trải nhựa bằng phẳng, rộng: 7,00m, các mép giao nhau mở rộng theo hình vòng cung. Hai bên ngoài mặt đường là lề đường đất, thưa thớt nhà dân sinh sống.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông: Trên mặt đường, tại phần bên trái đường liên xã H, thuộc B, xã H, thành phố B tính theo hướng từ xã H, huyện B đến Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B. Không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn người tham gia giao thông, không có biển báo hiệu giao thông đường bộ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường lấy hướng từ xã H, huyện B đến Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B làm hướng chuẩn; lấy mép đường bên phải tính theo

hướng chuẩn làm mép đường chuẩn; lấy góc dưới trụ điện số 222 làm mốc cố định, lấy hướng Bắc làm hướng chuẩn, lấy đơn vị đo là mét (m).

Vị trí phương tiện và dấu vết tại hiện trường được đánh số thứ tự từ 01 đến 04:

01. Xe mô tô biển số 72H7 – 32XX, lưu thông trên đường liên xã H, theo hướng từ xã H, huyện B đến Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B. Sau tai nạn, xe ngã nghiêng sang trái, đầu xe quay về hướng Ủy ban nhân dân xã H (hướng Tây Nam), đuôi xe quay về hướng xã H, huyện B (hướng Đông Bắc). Tâm trục bánh trước xe cách mép đường chuẩn: 9,45m, tâm trục bánh sau xe cách mép đường chuẩn: 9,45m.

02. Xe mô tô biển số 47S1 - 101.29, lưu thông trên đường liên xã H, theo hướng từ Ủy ban nhân dân xã H đến xã H, huyện B. Sau tai nạn, xe ngã nghiêng sang trái, đầu xe quay về hướng xã H, huyện B (hướng Đông Bắc), đuôi xe quay về hướng Ủy ban nhân dân xã H (hướng Tây Nam). Tâm trục bánh trước xe cách mép đường chuẩn: 8,40m; tâm trục bánh sau xe cách mép đường chuẩn: 7,90m, cách tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 72H7 - 3280: 3,20m và cách mốc cố định: 7,90m.

03. Vết dịch đỏ sẫm (vết máu), có kích thước (0,90 x 0,60) m. Tâm vết cách mép đường chuẩn: 6,50m và cách tâm trục bánh trước xe mô tô biển số 47S1 – 101.29: 2,00m.

04. Vết xước trên mặt đường, liền nét dài: 0,50m. Đầu vết cách mép đường chuẩn: 8,30 và cách tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 72H7 - 3280: 1,60m, cuối vết cách mép đường chuẩn: 8,40m.

* Vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 72H7 – 32XX với xe mô tô biển số 47S1 - 101.XX: Căn cứ vào vị trí hai phương tiện, vị trí dấu vết và các tài liệu khác đã thu thập, xác minh có đủ căn cứ xác định vị trí va chạm giữa xe mô tô biển số 72H7 - 3280 với xe mô tô biển số 47S1 - 101.XX tương ứng với mặt đường, cách mép đường chuẩn: 8,45m, cách tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 72H7 – 32XX: 1,25m, cách điểm đầu vết xước: 0,55m, cách tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 47S1 - 101.29: 2,25m và cách mốc cố định: 6,75m.

Tại bản kết luận pháp y tử thi số: 282/TTh-TTPY, ngày 12/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyên nhân tử vong của ông Lê Ngọc T là: Chấn thương sọ não nặng do tai nạn giao thông.

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS - ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định**:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức V phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/02/2020, bị cáo Nguyễn Đức V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đức V về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự và xét xử là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét mức hình phạt 01 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V là có phần nghiêm khắc. Do đó đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 BLTTHS chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức V tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 16 giờ 40 phút ngày 20/7/2019, bị cáo Nguyễn Đức V điều khiển xe mô tô biển số 72H7-32XX lưu thông trên phần đường bên phải đường liên xã H, thành phố Buôn Ma Thuột, khi đi gần tới phía trước trụ điện số 222 đường liên xã H, thuộc B, xã H, thành phố B do thiếu chú ý, quan sát và chuyển hướng không đúng quy định nên đã điều khiển xe tông vào xe mô tô 47S1-101.XX do ông Lê Ngọc T điều khiển gây tai nạn. Hậu quả ông Lê Ngọc T đã chết, bị cáo bị thương nhẹ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đức V về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Nhận thấy, mức hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức V là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Khi quyết định hình phạt cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữa nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về hình phạt.

Nhận thấy, trong quá trinh điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyên bồi thường khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, đại diện gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày, bị cáo đã ly hôn vợ, một mình nuôi hai con nhỏ, bị cáo có thu nhập thấp nên điều kiện kinh tế hiện đang gặp khó khăn. Bị cáo là người có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Để tạo điều kiện cho các bị cáo có thời gian làm ăn, giúp đỡ san sẻ bớt khó khăn cho bản thân và gia đình, không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo, có sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng trừng trị, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt là không có căn cứ để chấp nhận.

3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức V – sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2020/HS-ST ngày 20/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần biện pháp chấp hành hình phạt; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ", nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TANDTC;
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Phượng**